

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/HSST**

Ngày: 27/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 66/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 87/TB-TA ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị M, sinh năm 1976, tại H T; Quê quán: H T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N. Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông: Lê Trọng Ng, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm 1954; Có chồng là Trần Văn D1, sinh năm 1975 và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Công an huyện K A, tỉnh H T bắt truy nã và tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện K A từ ngày 14/04/2021. Đến ngày 17/04/2021 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Mỹ cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1963 (có mặt).

2. Ông Lê Trọng V, sinh năm: 1957 (có mặt).

Cùng nơi cư trú tại: ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị H, sinh năm: 1978 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức M2, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Đức M1, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú tại: ấp 9, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N.

- *Người làm chứng:* chị Vũ Thị Thu Ph, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: tổ 6, ấp 8, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị M là cháu ruột của ông Lê Trọng V, sinh 1957, ngụ tại ấp L H, xã X Đ, huyện CM, tỉnh Đ N. Ông V cùng vợ là bà Nguyễn Thị D, sinh 1963, ngụ tại ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N có kinh doanh chăn nuôi gà tại ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N. Do thấy M không có việc làm, là con cháu trong nhà, tại nơi ở của M có sẵn chuồng nuôi gà nên vợ chồng ông V bà D thuê M nuôi, chăm sóc, quản lý gà, hàng tháng sẽ trả công cho M 6.000.000 đồng/tháng. Tháng 10/2019 bà D mua 2.200 con gà giống Cao Khanh đưa đến nhà M tại ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N giao cho M chăm nuôi, cứ khoảng 01 tuần bà D giao cho M từ 100 đến 120 bao cám loại 202S Gold Coin Feedmill để M chăm nuôi gà theo thỏa thuận.

Quá trình chăm nuôi gà biết bà Trương Thị H (là bạn quen biết với M), sinh 1978, cư trú ấp 9, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N đang muốn mua gà giống về nuôi, M đã nói dối với H đây là gà và cám của M, do đang cần tiền nên muốn bán bớt cho H một ít thì bà H đồng ý mua với giá 200.000 đồng một bao cám và 40.000 ngàn đồng một con gà. Đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 05/12/2019 bà H cùng con trai là Nguyễn Đức M1, sinh 1996, cư trú ấp 9, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N thuê 01 xe tải nhỏ (loại xe cải tiến không rõ biển số) của 01 thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) tại khu vực Nông trường 1, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N đến trại gà do M quản lý để chở 30 bao cám, đến 19 giờ 00 phút cùng ngày, bà H cùng M1 điều khiển 02 xe máy cột giỏ sắt phía sau đến chở 100 con gà. Đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 07/12/2019, bà H cùng M1 tiếp tục điều khiển 02 xe máy đến gặp M chở 27 bao cám và 200 con gà. Tất cả số cám và gà trên được bà H và M1 đem về nhà giao cho ông Nguyễn Đức M2, sinh năm 1970 ngụ tại ấp 9, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N (chồng bà H) để chăm nuôi. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 08/12/2019, bà H đem 7.000.000 đồng đến trả tiền gà và cám cho M và hẹn 20 ngày sau thanh toán hết số tiền còn lại, M đồng ý. Đến ngày 18/12/2019, vợ chồng bà Nguyễn Thị D xuống trại gà giao cho M nuôi kiểm tra phát hiện mất 57 bao cám và 300 con gà nên đã hỏi M thì M nói dối với bà D là M không biết vì sao bị mất số tài sản trên

nên bà D đã trình báo đến Công an huyện Cẩm Mỹ. Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã khám xét nhà của ông M2 thu giữ: 43 bao cám nhãn hiệu 202S dùng cho gà thịt do công ty Gold Coin Meedmill Đồng Nai sản xuất, khối lượng 25kg/bao; 14 vỏ bao cám nhãn hiệu 202S dùng cho gà thịt do công ty Gold Coin Meedmill Đồng Nai sản xuất; 300 con gà, loại gà Cao Khanh có cân nặng từ 1,2kg/con đến 1,4kg/con, tổng khối lượng: 362kg; 05 miếng nhựa màu đỏ dùng che mắt gà, chống mổ nhau.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 08/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ, kết luận:

+ 57 bao cám nhãn hiệu 202S dùng cho gà thịt do công ty Gold Coin Meedmill Đồng Nai sản xuất, khối lượng 25kg/bao có giá trị là: $11.544 \text{ đồng/kg} \times (57 \text{ bao} \times 01 \text{ bao}/25\text{kg}) = 16.450.200 \text{ đồng}$ (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn hai trăm đồng).

+ 300 con gà, loại gà Cao Khanh (gà còn sống, sức khỏe bình thường, có cân nặng từ 1,2kg/con đến 1,4kg/con) có giá trị là: $60.000 \text{ đồng/con} \times 300 \text{ con} = 18.000.000 \text{ đồng}$ (Mười tám triệu đồng).

+ Tổng giá trị của 57 bao cám nhãn hiệu 202S và 300 con gà, loại gà Cao Khanh là: 34.450.200 đồng (ba mươi tư triệu bốn trăm năm mươi nghìn hai trăm đồng).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS-CM ngày 21/6/2021, Viện Kiểm sát nhân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Lê Thị M về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M mức án 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù; về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét; buộc bị cáo phải trả lại cho bà Trương Thị H số tiền 7.000.000 đồng mà bà H đã đưa cho bị cáo để mua gà; về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen là tài sản hợp pháp của Lê Thị M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã trả lại cho bị cáo là phù hợp. Đối với bà Trương Thị H, Nguyễn Đức M1, Nguyễn Đức M2 khi mua, chở và chăm nuôi gà và cám từ bị cáo M. H, M1, M2 không biết là tài sản do bị cáo M phạm tội mà có nên không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 05/12/2019 và ngày 07/12/2019, tại ấp L H, xã X Đ, huyện C M, tỉnh Đ N, Lê Thị M khi được giao quản lý chăm sóc gà đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 57 bao cám nhãn hiệu Gold Coin Meedmill và 300 con gà Cao Khanh có tổng trị giá 34.450.200 đồng của ông V, bà D bán cho bà Trương Thị H ngụ tại ấp 9, xã X T, huyện C M, tỉnh Đ N lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện, xử lý. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có cha ruột là ông Lê Trọng Ng là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hai lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận xét và đánh giá nêu trên xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và cũng để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta nên Hội đồng xét xử nên áp dụng mức hình phạt bằng với thời gian tạm giam là cũng đủ để răn đe giáo dục.

Đối với bà Trương Thị H, Nguyễn Đức M1, Nguyễn Đức M2 khi mua, chở và chăm nuôi gà và cám từ bị cáo M. H, M1, M2 không biết là tài sản do bị cáo M phạm tội mà có nên không phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

- Bà Trương Thị H có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 7.000.000 đồng mà bà H đã đưa cho bị cáo để mua gà và cá, tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen là tài sản hợp pháp của Lê Thị M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị M phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M 06 (sáu) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ và tạm giam 14/4/2021.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Thị M tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

2. Buộc bị cáo Lê Thị M phải trả lại cho chị Trương Thị H số tiền là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể, từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- CQCSĐT Công an huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trương Thị Thùy Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thùy Trang